

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma  
Giáo trình Phạn ngữ “HỌC PĀLI TRONG 32 BÀI”

**Bài học ngày 19.7.2021**

---

## **BÀI 4.**

# **XUẤT XỨ CÁCH DANH TỪ NAM TÁNH VĨ NGŨ A**

## **I. TỪ VỰNG**

### **Danh từ nam tánh vĩ ngữ A**

*Dhīvara* = người đánh cá, ngư phủ

*Maccha* = cá

*piṭaka* = cái giỏ, cái rổ

*amacca* = thượng thư, bộ trưởng

*upāsaka* = nam cư sĩ, thiện nam

*pāsāda* = cung điện, lâu đài

*dāraka* = đứa bé trai

*sāṭaka* = quần áo

*rajaka* = thợ giặt

*sappa* = con rắn

*pañha* = câu hỏi, vấn đề

*suka / suva* = con vẹt

*sopāna* = cầu thang

*sūkara / varāha* = con heo

### **Động từ:**

*Patati* = rơi, rơi xuống

*Dhovati* = rửa

*icchati* = muốn, mong ước

*ḍasati* = cắn, ngoạm

*pucchati* = hỏi, chất vấn

*pakkosati* = gọi, triệu tập

*khādati* = nhai

*hanati* = giết

*otarati* = đi xuống

*nikkhamati* = ra đi, từ bỏ, xuất gia

## II. VĂN PHẠM

(Thông thường biến cách thứ tư của danh từ Pāli là “chỉ định cách” nhưng trong giáo trình này của giáo sư Lily de Silva lại là “xuất xứ cách”. Xin giữ nguyên theo bản Anh ngữ như sự tôn trọng đối với tác giả)

### Xuất xứ cách

Xuất xứ cách là biến cách danh từ chỉ điếm xuất phát, nguồn gốc. Thí dụ: *Nam cur sī đến từ tịnh xá; vị sa môn vào làng từ hòn núi; người lữ hành sợ bọn cướp; Tôn giả Ananda rời Trúc Lâm Tịnh Xá.*

Biến thể xuất xứ cách trong trường hợp danh từ nam tánh vĩ ngữ A số ít thêm vào – *ā* / – *mhā* / – *smā* / số nhiều thêm vào – *ehi* (*dạng – ebhi* cũng được tìm thấy trong kinh văn cổ xưa)

### Số ít:

- 1) *nara* + *ā* / *amhā* / *smā* = *narā* / *naramhā* / *narasmā* (từ người đàn ông)
- 2) *mātula* + *ā* / *amhā* / *asmā* = *mātulā* / *mātulamhā* / *mātulasmā* (từ người cậu)
- 3) *kassaka* + *ā* / *amhā* / *asmā* = *kassakā* / *kassakamhā* / *kassakasmā* (từ bác nông dân)

### Số nhiều:

- 1) *nara* + *ehi* = *narehi* / *narebhi* (từ những người đàn ông)
- 2) *mātula* + *ehi* = *mātulehi* / *mātulebhi* (từ những người cậu)
- 3) *kassaka* + *ehi* = *kassakehi* / *kassakebhi* (từ những bác nông dân)

## Vài câu kiểu mẫu:

### Số ít:

1) *Yācako naramhā bhattaṃ yācati.*

Người ăn mày xin thức ăn từ người đàn ông.

2) *Putto mātulamhā pañhaṃ pucchati.*

Người con trai hỏi vấn đề từ người cậu.

3) *Kassako rukkasmā patati.*

Bác nông dân rơi xuống từ thân cây.

### Số nhiều:

1) *Yācakā narehi bhattaṃ yācanti.*

Những người ăn mày xin thức ăn từ những người đàn ông.

2) *Puttā mātulehi pañhe pucchanti.*

Những người con trai hỏi vấn đề từ những người cậu.

3) *Kassakā rukkehi patanti.*

Những người nông dân rơi xuống từ những thân cây.

## BÀI TẬP 4:

### Dịch sang tiếng Việt:

1. *Corā gānamhā pabbataṃ dhāvanti.*
2. *Dārako mātulasmā odanaṃ yācati.*
3. *Kumāro sopānamhā patati.*
4. *Mātulā sātaka dhovanti.*
5. *Dhīvarā piṭakehi macche āharanti.*
6. *Upāsaka samaṇehi saddhiṃ vihāasmā nikkhamanti.*
7. *Brāhmaṇo kakacena rukkaṃ chindati.*
8. *Kumārā mittehi saha bhūpālaṃ passanti.*
9. *Vāṇijo assena saddhiṃ pabbatasmā oruhati.*
10. *Yācako kassakasmā soṇaṃ yācati.*
11. *Sappā pabbatehi gāmaṃ otaranti.*
12. *Amaccā sarehi mige vijjhanti.*

13. *Coro gāmamhā sakaṭena sāṭake harati.*
14. *Bhūpālo amaccehi sadhhiṃ rathena pāsādam āgacchati.*
15. *Sūkarā pādehi āvāṭe khaṇanti.*
16. *Kumāro sahāyakehi saha sāṭake dhovati.*
17. *Samaṇā gāmamhā upāsakehi saddhiṃ nikkhamanti.*
18. *Kukkuro piṭakamhā macchaṃ khādanti.*
19. *Mitto puttamhā sunakhaṃ yācati.*
20. *Buddho sāvake pucchati.*
21. *Amaccā paṇḍitehi pañhe pucchanti.*
22. *Rajako sahāyena saha sāṭakaṃ dhovati.*
23. *Macchā piṭakamhā patanti.*
24. *Corā pāsāṇehi varāhe paharanti.*
25. *Amacco pāsādamhā suvaṃ āharati.*

### **Dịch sang tiếng Pāli:**

- 1) Những con ngựa chạy đến hòn núi từ ngôi làng.
- 2) Những người thương buôn cùng với những nam cư sĩ đi đến tịnh xá từ hòn đảo.
- 3) Những kẻ cướp bắt những con lợn bằng những mũi tên.
- 4) Người thiện nam hỏi pháp từ vị Sa-môn.
- 5) Đứa bé trai với người bạn rơi xuống từ tảng đá.
- 6) Con chó cắn bé trai.
- 7) Những quan thượng thư với đức vua rời khỏi cung điện.
- 8) Người đàn ông mang con nai từ hòn đảo.
- 9) Bác nông dân trèo xuống từ thân cây.
- 10) Những con chó với những con ngựa chạy dọc con đường.
- 11) Những bé trai mang những ngọn đèn từ những thương gia.
- 12) Kẻ cướp đi xuống từ cầu thang.
- 13) Những người thương gia mang những con vẹt từ những hòn núi.
- 14) Con ngựa đá con rắn bằng những bàn chân của nó.
- 15) Người cậu với những người bạn của ông ta nhìn thấy những Sa-môn từ những hòn núi.
- 16) Những lái buôn mang các con ngựa từ hòn đảo đến cung điện.
- 17) Quan thượng thư thăm vấn kẻ cướp.
- 18) Người nông dân ăn cơm với người thợ giặt
- 19) Đứa bé trai rơi xuống từ cầu thang.
- 20) Người đánh cá với người chú của ông ta leo lên núi.
- 21) Kẻ ăn trộm ngủ với con chó của ông ta.
- 22) Những vị vua với những viên quan của họ bảo vệ những hòn đảo.

- 23) Đức vua đánh lễ Đức Phật từ cung điện của mình.
- 24) Người đàn ông giết con rắn bằng cây gươm.
- 25) Những ngư dân mang cá đến làng bằng những chiếc xe ngựa.
- 26) Những con lợn chạy đến núi từ ngôi làng.
- 27) Những người thiện nam nêu những câu hỏi từ những bậc thiện trí.
- 28) Đứa bé trai mang con vẹt từ cây.
- 29) Những bậc thiện trí đi đến tu viện.
- 30) Những đệ tử Phật đi đến làng bằng con đường.

## **PĀLI VUI ĐỂ HỌC**

Mangala là từ ngữ rất phổ biến trong đời sống người Ấn Độ. Chữ này có nghĩa chính xác là điềm lành hay dấu hiệu cát tường. Thí dụ một người chiêm bao thấy được điềm báo sẽ có hỷ sự thì điềm lành đó là mangala. Vì lý do gì đó chữ này khi dịch sang tiếng Việt lại mang ý nghĩa là “hạnh phúc”. Mangala Sutta được Pháp sư Thông Kham dịch lần đầu sang tiếng Việt là “ba mươi tám pháp an lành” về sau đổi là “38 pháp hạnh phúc”. HT Nhất Hạnh đi xa hơn gọi là “Kinh Phúc Đức” trong lúc nguyên nghĩa là “Kinh Điềm Lành” hay “Kinh Dấu Hiệu Cát Tường”.

## **PĀLI VÀ NGHI THỨC NHẬT HÀNH**

### **Ân Đức Pháp**

**Svākkhāto bhagavato dhammo sandiṭṭhiko akāliko ehipassiko opanayiko paccattam veditabbo viññūhīti.**

Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tiền, vượt ngoài thời gian, đến để chứng nghiệm, hiệu năng hướng thượng, trí giả thân chứng.

*Văn tụng:*

Pháp vi diệu cha lành khéo dạy  
Lìa danh ngôn giác ngộ hiện tiền  
Vượt thời gian chứng vô biên  
Sát na đại ngộ hoát nhiên liễu tường  
Đạo vô thượng đến rồi thấy rõ  
Hướng thượng tâm thoát ngã vọng trần  
Trí nhân tự ngộ giả chân  
Diệu thường tịnh lạc Pháp ân nhiệm màu